

Số: 104/2017/QĐST-HNGĐ

S, ngày 14 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vụ án hôn nhân và gia đình số: 230/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trương Cẩm N**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 118/26, đường T, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh S.

Bị đơn: Ông **Trần Hoàng C**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 118/26, đường T, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh S.

Nơi cư trú hiện nay: Số 199, đường P, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh S.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trương Cẩm N, sinh năm 1965 và ông Trần Hoàng C, sinh năm 1969.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Cẩm N, sinh năm 1965 và ông Trần Hoàng C, sinh năm 1969 đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Trương Cẩm N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đại L, sinh ngày 15/8/2000 đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Hoàng C không cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với con chung Trần Đăng K,

sinh ngày 08/11/1993 đã trưởng thành có nghề nghiệp ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Trần Hoàng C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con là Trần Đại L không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Bà Trương Cẩm N và ông Trần Hoàng C trình bày tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trương Cẩm N và ông Trần Hoàng C trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Cẩm N đồng ý chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng. Sau khi căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Nga đã nộp theo biên lai thu số 0007898, ngày 25/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh S, bà Nga được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPS;
- Chi cục THADS-TPS;
- Tòa án nhân dân TS;
- UBND Phường N, TPS;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định